

HƯỚNG DẪN
Đánh giá, chấm điểm thi đua năm 2021
đối với Hội Nông dân các huyện, thành phố

Căn cứ Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1218-QĐ/HNDTW, ngày 24/12/2014 của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Căn cứ Hướng dẫn số 261-HD/HNDTW, ngày 26/10/2020 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc đánh giá, chấm điểm thi đua năm 2020 đối với Hội Nông dân các tỉnh, thành phố.

Căn cứ Kế hoạch số 08-KH/HNDT, ngày 16/3/2021 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về việc phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021.

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/HNDT, ngày 05/01/2021 của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn đánh giá, chấm điểm thi đua năm 2021 đối với Hội Nông dân các huyện, thành phố như sau:

I. CƠ CẤU ĐIỂM:

1. Điểm cho các nội dung hoạt động công tác Hội 185 điểm và điểm thưởng 15 điểm. Tổng cộng 200 điểm.

2. Điểm trừ: 15 điểm.

II. TIÊU CHÍ, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM

Có tiêu chí chấm điểm chi tiết kèm theo.

III. QUY TRÌNH CHẤM ĐIỂM

1. Cách thức chấm điểm

- Mỗi nội dung đánh giá có điểm tối đa theo quy định. Tùy thuộc vào mức độ đạt được yêu cầu mà nội dung đánh giá đó có điểm từ 0 đến điểm tối đa.

- Hội Nông dân các huyện, thành phố tự đánh giá, chấm điểm, đề xuất nội dung điểm thưởng (nếu có).

- Văn phòng và Ban chuyên môn Tỉnh hội đánh giá, chấm điểm, đề xuất điểm thưởng, điểm trừ theo các nội dung hoạt động thuộc nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách.

2. Điểm thưởng, điểm trừ

2.1. Điểm thưởng: 15 điểm

Thực hiện điểm thưởng trong các trường hợp sau:

a) Thưởng cho các đơn vị thực hiện vượt mức các chỉ tiêu thi đua: **(6 điểm)**, trong đó:

- Nếu có 100% các chỉ tiêu được giao đều đạt và vượt (*trừ chỉ tiêu không đạt do yếu tố khách quan*) **(6 điểm)**.

- Các chỉ tiêu đạt từ 90% trở lên **(4 điểm)**.

- Các chỉ tiêu đạt từ 70% đến dưới 90% **(2 điểm)**.

b) Thưởng cho các đơn vị thực hiện tốt công tác theo dõi quản lý tổ chức Hội; báo cáo đầy đủ, chính xác tình hình tăng, giảm hội viên; đối khớp đúng biểu mẫu và thời gian quy định. **(02 điểm)**

c) Thưởng cho các đơn vị có đột phá mới, mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, chất lượng, hiệu quả nổi bật trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác Hội và phong trào thi đua được Hội cấp trên công nhận **(3 điểm)**.

d) Thưởng cho các đơn vị có những đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền hoặc Hội cấp trên mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác và hoạt động của Hội **(2 điểm)**

đ) Thưởng cho các đơn vị phát hiện được các vụ việc, vấn đề nóng, bức xúc trong nông dân, nông thôn, phản ánh, báo cáo kịp thời với các cơ quan có thẩm quyền và Hội cấp trên để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, nông dân **(2 điểm)**.

2.2. Điểm trừ: 15 điểm.

a) Tổ chức Hội nghị sơ, tổng kết chuyên đề theo chỉ đạo của Hội cấp trên chưa đúng thành phần, thời gian... quy định **(trừ 02 điểm)**.

b) Chưa phối hợp tốt trong tổ chức các lớp tập huấn do Trung ương hoặc Tỉnh hội chỉ đạo thực hiện. **(trừ 02 điểm)**.

c) Giảm hội viên, trường hợp có tỷ lệ hội viên giảm từ 10% trở lên/tổng số hội viên (*tại thời điểm báo cáo*) **(trừ 03 điểm)**, từ 5% đến dưới 10% **(trừ 02 điểm)**; từ 1% đến dưới 5% **(trừ 01 điểm)**, dưới 1% không trừ điểm.

d) Thực hiện chưa tốt việc phát động, nâng chất các phong trào thi đua của Hội và của địa phương, trọng tâm như: phong trào nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; phong trào thi đua Dân vận khéo v.v... **(trừ 4 điểm)**

đ) Địa phương có vấn đề nóng, bức xúc trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân, do các cơ quan, đơn vị, tổ chức phát hiện mà tổ chức Hội ở đó không nắm bắt được và không phản ánh kịp thời với cơ quan có thẩm quyền và Hội cấp trên **(trừ 02 điểm)**.

e) Những đơn vị chưa thực hiện tốt việc công nhận Chi hội, cơ sở hội đạt chuẩn “Hội đủ điều kiện đều có hội viên nông dân” **(trừ 01 điểm)**.

f) Trong năm chưa thực hiện tốt công tác tạo nguồn và không có giới thiệu cán bộ, hội viên nông dân ưu tú cho cấp ủy Đảng xem xét châm bồi kết nạp vào Đảng **(trừ 01 điểm)**.

IV. XẾP LOẠI THI ĐUA

1. Căn cứ xếp loại

- Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1218-QĐ/HNDTW, ngày 24/12/2014 của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

- Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức Hội (theo Hướng dẫn 204-HD/HNDTW, ngày 10/7/2020 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tổ chức Hội Nông dân Việt Nam).

- Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào nông dân năm 2021; kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết và Bảng tự chấm điểm thi đua (theo mẫu); báo cáo kết quả sáng tạo, nổi bật (nếu có) của các huyện, thành hội.

- Kết quả đánh giá, chấm điểm theo Hướng dẫn này của Văn phòng, các ban chuyên môn Tỉnh hội theo nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn phụ trách.

- Nhận xét, đánh giá của Thường trực phụ trách cụm và Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách địa bàn.

- Kết quả kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

- Các kênh thông tin khác (nếu có).

2. Danh hiệu thi đua

- **Đạt Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”**: Số điểm đạt từ 140 đến dưới 180 điểm; đơn vị phải hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt các tiêu chuẩn theo Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam (*ban hành kèm theo Quyết định số 1218-QĐ/HNDTW của Ban Thường vụ Trung ương Hội*).

- **Đạt Danh hiệu “Đơn vị xuất sắc”**: Số điểm đạt từ 180 đến 200 điểm; đơn vị Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt các tiêu chuẩn theo Quy định về thi đua, khen thưởng của Hội Nông dân Việt Nam (*ban hành kèm theo Quyết định số 1218-QĐ/HNDTW Ban Thường vụ Trung ương Hội*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Nông dân tỉnh

Giao Văn phòng chủ trì, phối hợp với các Ban: Theo dõi, hướng dẫn, tham gia chấm điểm, thẩm định kết quả tự chấm điểm của các huyện, thành Hội theo chức năng, nhiệm vụ. Đồng thời, đề xuất điểm thưởng, điểm trừ (nếu có). Tổng hợp, báo cáo kết quả với Thường trực, Ban Thường vụ và Hội đồng Thi đua – khen thưởng Hội Nông dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Hội Nông dân các huyện, thành phố

Căn cứ Hướng dẫn này, Hội Nông dân các huyện, thành phố tự đánh giá, chấm điểm thi đua của đơn vị mình (*theo tiêu chí chấm điểm chi tiết gửi kèm*) và đề nghị điểm thưởng, điểm trừ.

Trên cơ sở nội dung đánh giá, chấm điểm thi đua của Tỉnh hội và căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ ở địa phương, đơn vị, các Huyện, Thành hội xây dựng hướng dẫn chấm điểm phù hợp với Cơ sở hội.

Bảng Tự chấm điểm thi đua và các văn bản gửi kèm như: Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào nông dân năm 2021; kết quả thực hiện chỉ tiêu Nghị quyết; đăng ký Danh hiệu thi đua năm 2022; báo cáo tóm tắt kết quả sáng tạo, nổi bật (*nếu có*), gửi về Văn phòng Hội Nông dân tỉnh trước ngày **25/11/2021**./.

Nơi nhận:

- Thường trực, UV.BTV HND tỉnh (B/c);
- Hội Nông dân các huyện, thành phố (th/h);
- Lưu: VP.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Trần Thị Quyết



HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
HỘI NÔNG DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ, NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM NĂM 2021
(Kèm theo Hướng dẫn số 03-HD/HNDT, ngày 16 tháng 5 năm 2021)

Nội dung đánh giá, chấm điểm	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
TIÊU CHÍ 1: CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG	15	
1. Tuyên truyền, quán triệt, tổ chức triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước	2	
2. Tuyên truyền, phổ biến về chỉ thị, nghị quyết và các hoạt động của Hội	4	
2.1. Tuyên truyền, phổ biến về nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội, tập trung là Nghị quyết số 04, 05, 06 của Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VII.	2	
2.2. Tuyên truyền các hoạt động kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Hội.	2	
3. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	4	
3.1. Tổ chức học tập, đăng ký làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	2	
3.2. Huyện, Thành Hội hàng tháng có ít nhất 01 bài viết về gương điển hình tiên tiến trên website hoặc Bản tin công tác Hội.	2	
4. Nắm bắt tư tưởng, dư luận xã hội	2	
4.1. Báo cáo hàng quý tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong nông dân; Báo cáo đột xuất khi xảy ra vấn đề nóng, nhạy cảm ở địa phương.	1	
4.2. 100% cấp huyện triển khai Kế hoạch XD lực lượng nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội.	1	
5. Công tác giáo dục truyền thống	3	
5.1. Tổ chức hoặc phối hợp tham gia tổ chức ít nhất 01 hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2021	2	
5.2. 100% cơ sở hội phối hợp tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.	1	
TIÊU CHÍ 2: XÂY DỰNG, CƯỜNG CỐ TỔ CHỨC HỘI	30	
1. Xây dựng, củng cố tổ chức Hội	23	
1.1. Kết quả thực hiện Chương trình hành động số 01-CTr/HNDT, ngày 29/01/2019 của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết	3	

Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành Trung ương Hội (khóa VII) về xây dựng Hội Nông dân Việt Nam trong sạch, vững mạnh		
1.2. Phát triển hội viên, có 5 mức chấm: Phát triển hội viên đạt 100% chỉ tiêu trở lên (3 điểm); từ 80% đến dưới 100% (2,5 điểm); 60% đến dưới 80% (2 điểm); 40% đến dưới 60% (1 điểm); dưới 40% (0 điểm)	3	
1.3. Cấp, đổi thẻ hội viên: 95% hội viên trở lên có thẻ hội (02 điểm); 80% đến dưới 95% (01 điểm); dưới 80% (0 điểm).	2	
1.4. Duy trì, đảm bảo chất lượng sinh hoạt chi hội, tổ hội: - Đầy đủ theo đúng điều lệ (4 kỳ/năm), có đầy đủ tài liệu phục vụ sinh hoạt cho các chi hội (3 điểm) - Chưa thường xuyên (đạt 2-3 kỳ/năm), hoặc chưa có đầy đủ tài liệu phục vụ sinh hoạt cho các chi hội (2 điểm) - Sinh hoạt chi hội chỉ đạt 1 kỳ/năm, không có tài liệu phục vụ sinh hoạt chi, tổ hội (1 điểm).	3	
1.5. Xây dựng tổ chức Hội: - 100% cơ sở Hội được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên. (4 điểm) - 90% cơ sở Hội được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có cơ sở Hội không hoàn thành nhiệm vụ. (3 điểm). - Có từ 80% đến dưới 90% cơ sở Hội được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có cơ sở Hội không hoàn thành nhiệm vụ. (2 điểm) - 60% đến dưới 80% cơ sở Hội được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, không có cơ sở Hội không hoàn thành nhiệm vụ. (01 điểm)	4	
1.6. Xây dựng chi, tổ hội nghề nghiệp	3	
1.7. Đạt chỉ tiêu xây dựng Quỹ hội và nộp hội phí về cấp trên theo quy định.	3	
1.8. Việc thực hiện Quy định 212-QĐ/TW, ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.	2	
2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội	7	
2.1. Các huyện, thành Hội phân công cán bộ Hội tham dự tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hội do Trung ương hoặc tỉnh tổ chức theo đúng thành phần, chỉ tiêu phân bổ.	3	
2.2. Các huyện, thành Hội phối hợp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, phương	4	

TIÊU CHÍ 3: CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI, XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN	12	
1. Công tác chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát công tác Hội	4	
1.1. Xây dựng chương trình kế hoạch thực hiện hàng năm	0,5	
1.2. Kiện toàn UBKT các cấp	0,5	
1.3. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát	2	
1.4. Báo cáo định kỳ kết quả công tác kiểm tra, giám sát	1	
2. Công tác chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội	3	
2.1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện	1	
2.2. Tuyên truyền công tác giám sát và phản biện xã hội	1	
2.3. Tổ chức giám sát và phản biện xã hội	1	
3. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền	2,5	
3.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện	1	
3.2. Góp ý các văn bản	1,5	
4. Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo	2,5	
4.1. Tiếp cán bộ, hội viên nông dân và tham gia tiếp công dân	0,5	
4.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	
4.3. Hòa giải, giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ hội viên, nông dân	1	
TIÊU CHÍ 4: TỔ CHỨC CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI	63	
1. Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững	17	
1.1. Có kế hoạch chỉ đạo, phát động, tổ chức đăng ký đến hội viên nông dân	2	
1.2. Thực hiện việc bình xét danh hiệu nông dân SXKD các cấp đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng.	2	
1.3. Thực hiện đạt chỉ tiêu giao	3	
1.4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có các hoạt động hỗ trợ, thúc đẩy phong trào phát triển	2	
1.5. Chi hội có mô hình “Dân vận khéo”	2	
1.6. Hàng tháng có ít nhất 2 tin, bài, gương điển hình có mô hình sản xuất hiệu quả được giới thiệu, tuyên truyền trên trang Website của Tỉnh hội hoặc	2	

Trung ương Hội.		
1.7. Xây dựng Chi hội có quỹ hùn vốn	1	
1.8. Tổ chức tổng kết phong trào năm, có báo cáo đánh giá kết quả phong trào, có biểu dương khen thưởng	3	
2. Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”	6	
2.1. Có kế hoạch, hướng dẫn triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới đến cán bộ hội viên, nông dân.	2	
2.2. Các cơ sở Hội có công trình hoặc phần việc đảm nhận cụ thể	2	
2.3. Báo cáo gửi về Tỉnh Hội đúng thời gian quy định.	2	
3. Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”.	9	
3.1. Có văn bản tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” và thực hiện giúp đỡ hộ hội viên, nông dân nghèo, cận nghèo thoát nghèo đạt chỉ tiêu cấp ủy giao (có địa chỉ, danh sách cụ thể)	2	
3.2. Có báo cáo kết quả vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” và ủng hộ “Chương trình an sinh xã hội”.	2	
3.3. vận động hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà cho hộ hội viên nghèo (“Mái ấm nông dân”)	3	
3.3. Có những mô hình, cách làm hay để phong trào đạt hiệu quả cao, thiết thực	2	
4. Nông dân bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	7	
4.1. Phối hợp tổ chức phát động “Nông dân ra quân hưởng ứng Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”	1	
4.2. Hưởng ứng các hoạt động quốc gia hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường; Ngày Môi trường thế giới; Tháng hành động về môi trường và chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...	1	
4.3. Phối hợp tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	1	
4.4. Phối hợp với các ngành liên quan để bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	1	
4.5. Tuyên truyền và xây dựng mô hình nông dân bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	3	

5. Vận động nông dân sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng nông sản thực phẩm an toàn	7	
5.1. Có văn bản chỉ đạo, tuyên truyền thực hiện công tác an toàn thực phẩm	1,5	
5.2. Tổ chức cho hội viên, nông dân ký cam kết sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn	2	
5.3. Các mô hình nông nghiệp do Hội đang xây dựng, quản lý đảm bảo an toàn thực phẩm.	1,5	
5.4. Tổ chức các mô hình liên kết sản xuất.	2	
6. Vận động nông dân tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông nông thôn	5	
6.1. Xây dựng chương trình kế hoạch tổ chức tuyên truyền, vận động và báo cáo	1,5	
6.2. Tổ chức nông dân ký cam kết	1,5	
6.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình nông dân đảm bảo an toàn giao thông	2	
7. Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế với nông dân	5	
7.1. Ký chương trình phối hợp và chỉ đạo tuyên truyền vận động hội viên, nông dân tham gia BHXH, BHYT, có báo cáo	1	
7.2. Xây dựng hệ thống đại lý thu BHXH, BHYT do Hội Nông dân trực tiếp thực hiện	1	
7.3. Đạt chỉ tiêu hộ tham gia BHYT	2	
7.4. Đạt chỉ tiêu hộ tham gia BHXH tự nguyện	1	
8. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	7	
8.1. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, hội viên nông dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tích cực tham gia, phối hợp bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia	1,5	
8.2. Có chương trình ký kết phối hợp với lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng. Làm tốt công tác hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nông dân... đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.	2	
8.3. Mỗi cơ sở hội xây dựng ít nhất 01 mô hình tự quản về an ninh trật tự.	2	
8.4. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động con em hội viên nông dân thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, Luật dân quân tự vệ. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, chính sách đền ơn đáp nghĩa với người có công, người neo đơn...	1,5	

TIÊU CHÍ 5: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, DỊCH VỤ, HỖ TRỢ, DẠY NGHỀ CHO NÔNG DÂN	40	
1. Xây dựng và phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân	15	
1.1. Phát triển nguồn vốn của huyện trong năm Đạt 90% chỉ tiêu giao trở lên (5 điểm); từ 70 đến dưới 90% (4 điểm); Từ 50 đến dưới 70% (3 điểm); từ 40 đến dưới 50% (2 điểm); dưới 40% (0 điểm).	5	
1.2. Không có nợ quá hạn dự án phát sinh trong năm (nguồn trung ương và tỉnh). Có phát sinh nợ dưới 50 triệu đồng (1 điểm); Phát sinh nợ trên 50 triệu đồng (0 điểm)	2	
1.3. Quản lý, sử dụng vốn, hoạt động Quỹ hiệu quả Trả vốn đầy đủ kéo dài trên 30 ngày (trừ 1 điểm); Quản lý vốn không đúng quy định (trừ 1 điểm)	3	
1.4. Cấp cơ sở vận động Đạt 90% chỉ tiêu giao trở lên (4 điểm); từ 70 đến dưới 90% (3 điểm); Từ 50 đến dưới 70% (2 điểm); từ 40 đến dưới 50% (1 điểm); dưới 40% (0 điểm).	4	
1.5. Kiện toàn Ban Chỉ đạo Kết luận 61, Ban vận động QHTND	1	
2. Tạo vốn vay qua các Ngân hàng	5	
2.1. Chương trình phối hợp với Ngân hàng Chính sách Xã hội: Tỷ lệ nợ quá hạn dưới 0,5% (3 điểm); Từ 0,5% đến dưới 1% (2 điểm); Từ 1% đến dưới 1,5% (1 điểm); Từ 1,5% trở lên (0 điểm).	3	
2.2. Có chương trình phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn	2	
3. Phối hợp với các ngành dạy nghề, truyền nghề, tập huấn khoa học – công nghệ hội viên, nông dân; 80% sau dạy nghề, truyền nghề, tập huấn có việc làm.	2	
4. Hỗ trợ nông dân tiếp cận, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất	7	
4.1. Có ít nhất 2 hoạt động hội thảo, truyền thông, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất	2	
4.2. Cấp huyện tổ chức ít nhất 01 mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ hoặc tập huấn chuyển giao khoa học, công nghệ	1	
4.3. Tham gia hội nghị, hội thảo về khoa học, công nghệ	1	
4.4. Các huyện, thành hội tổ chức được đoàn cho hội viên, nông dân đi học tập kinh nghiệm sản xuất trong hoặc ngoài tỉnh.	1	
4.5. Những đơn vị tham gia một số Chương trình do Trung ương hoặc tỉnh tổ chức đạt giải (như: Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, Tôn vinh khoa học với nhà nông, Tự hào nông dân Việt, Nông dân với công nghệ thông	2	

tin, Nông dân Việt Nam xuất sắc ...)		
5. Hỗ trợ hội viên nông dân quảng bá và tiêu thụ sản phẩm	5	
5.1. Phối hợp, tham gia Hội chợ triển lãm cấp huyện hoặc cấp tỉnh, trung ương	2	
5.2. Phối hợp tổ chức tập huấn về Xúc tiến Thương mại	2	
5.3. Tổ chức hoạt động tham quan, học tập, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm	1	
6. Hỗ trợ nông dân khởi nghiệp	3	
6.1. Có kế hoạch, hướng dẫn triển khai Kế hoạch số 23-KH/HNDT, ngày 30/9/2020 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về triển khai, tổ chức thực hiện Đề án số 03-ĐA/HNDTW, ngày 12/7/2020 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về hỗ trợ nông dân khởi nghiệp sáng tạo.	1	
6.2. Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn và hỗ trợ xây dựng mô hình nông dân khởi nghiệp hoạt động có hiệu quả	2	
7. Phối hợp tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý	3	
TIÊU CHÍ 6: XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ; VẬN ĐỘNG, HƯỚNG DẪN, HỖ TRỢ NÔNG DÂN THAM GIA PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THỨC KINH TẾ TẬP THỂ	10	
1. Có kế hoạch, hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 10-NQ/HNDTW, ngày 27/7/2020 của Ban Thường vụ Trung ương Hội về Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025	3	
2. Tổ chức vận động, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế tập thể (Hợp tác xã, Tổ hợp tác) đạt chỉ tiêu, hoạt động có hiệu quả	5	
3. Có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện của năm	2	
TIÊU CHÍ 7: CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ	2	
Tuyên truyền hội viên, nông dân về chủ trương, đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước, của tỉnh...	1	
Thông tin về sản phẩm, thị trường tiêu thụ nông sản, góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ mới....	1	
TIÊU CHÍ 8: CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	8	
1. Có văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức phát động và ký kết giao ước thi đua	1	
2. Phát hiện, xây dựng được điển hình, biểu dương, khen thưởng kịp thời	2	
3. Tuyên truyền, giới thiệu các điển hình tiêu biểu, mô hình mới về các lĩnh vực hoạt động của Hội trên các phương tiện thông tin truyền thông của Hội và địa phương	2	
4. Hồ sơ khen thưởng đúng quy định và đạt yêu cầu (có hồ sơ bị trả lại trừ 0,5 điểm)	2	

5. Có báo cáo sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2021	1	
TIÊU CHÍ 9: CÔNG TÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO	5	
1. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của Hội cấp trên (Gồm: báo cáo định kỳ hoạt động công tác hội và phong trào nông dân; một số báo chuyên đề, báo cáo đối khớp công tác tổ chức hội...)	2	
2. Bố cục, nội dung báo cáo đầy đủ theo đề cương yêu cầu	2	
3. Hội Nông dân huyện có tham gia cộng tác viên và gửi tin, bài với website Hội Nông dân tỉnh.	1	
Cộng	185	
Điểm thưởng	15	
Tổng cộng	200	
Điểm trừ: 15 điểm.	-	